

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *15* /2019/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *18* tháng *9* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công
của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... <i>C</i> ...
	Ngày: ... <i>18/9/19</i> ...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/04/2019 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thông tư số 47/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xác định giá cho thuê, giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông và thủy lợi; Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, tại Tờ trình số 410/TTr-STC ngày tháng 30/8/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

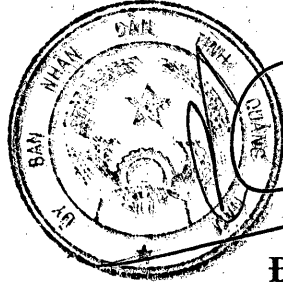
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2019, bãi bỏ Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./k

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính (b/c);
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTVB QPPL Bộ Tư pháp;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH, VP HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, KTTH (2). Q(85).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại cơ quan,
tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam**

(Kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam:

1. Tài sản công phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước; văn phòng huyện uỷ (tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước); đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tài sản công tại cơ quan, đơn vị), gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

d) Tài sản khác (bao gồm: Máy móc thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác theo quy định của pháp luật).

2. Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

3. Tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

5. Tài sản là công trình nước sạch nông thôn tập trung.

6. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; văn phòng huyện uỷ; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công

Chương II **NỘI DUNG PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG** **VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG**

Mục 1

PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI **CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY**

Điều 3. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, các tài sản gắn liền với công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất

1. Căn cứ các quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư vốn ngân sách nhà nước và thực tế tại địa phương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hằng năm về chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo thẩm quyền quy định phân cấp quản lý về đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, các tài sản gắn liền công trình, vật kiến trúc trên đất thuộc ngân sách từng cấp và quyết định việc giao cho cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý đầu tư, xây dựng.

2. Giá trị tài sản đầu tư xây dựng hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng được xác định theo giá trị quyết toán công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Trường hợp chưa có giá trị quyết toán thì tạm tính theo dự toán được duyệt, sau khi có giá trị quyết toán, bên giao và bên nhận có trách nhiệm điều chỉnh giá trị tài sản đầu tư xây dựng bàn giao theo giá trị quyết toán được duyệt.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động

Thực hiện theo Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công

1. Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở, nhà làm việc được thực hiện theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định thực hiện sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng trụ sở, nhà làm việc trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công không thuộc phạm vi tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí từ 500.000.000 đồng trở lên/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và ý kiến Giám đốc Sở Tài chính.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí đến dưới 500.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng cho đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc.

c) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (bao gồm đơn vị dự toán cấp III) trực thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí đến 100.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí trên 100.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí đến 100.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý; tiêu hủy tài sản công và quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

Thực hiện theo Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 2

NỘI DUNG PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 7. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh,

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo Khoản 2 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công

1. Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được thực hiện theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định thực hiện sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng trụ sở, nhà làm việc trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công không thuộc phạm vi tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí từ 500.000.000 đồng trở lên/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập, thủ trưởng cơ quan cấp trên (nếu có) và ý kiến Giám đốc Sở Tài chính; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí đến dưới 500.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, Ban, ngành quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí đến 100.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí trên 100.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

đ) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp huyện quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công với mức chi phí đến 100.000.000 đồng/01 lần sửa chữa, bảo dưỡng; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

e) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định sửa chữa, bảo dưỡng từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ để phục vụ chỗ hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động thực hiện theo Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản tài sản thực hiện theo khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý, bán, thu hồi, điều chuyển, tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

Thực hiện theo Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 3

PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP

Điều 11. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện theo Điều 15 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 12. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thực hiện theo Điều 16 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 4

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 13. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

Thực hiện theo Điều 17 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 5

PHÂN CẤP XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN SẢN VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

Thực hiện theo Điều 18 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Thực hiện theo Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

Thực hiện theo Điều 20 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản vô chủ; tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; di sản không có người thừa kế, hàng hoá tồn đọng (trừ hàng hoá tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật); tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể; tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động; tài sản chuyển giao cho Nhà nước theo hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

Thực hiện theo Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 6

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THUỶ LỢI DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi đối với tài sản không phải là công trình thuỷ lợi lớn, công trình thuỷ lợi quan trọng, đặc biệt thuộc địa phương quản lý

Thực hiện theo Điều 22 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản, điều chuyển, bán, thanh lý; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi trong trường hợp bị mất, huỷ hoại

Thực hiện theo Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 7

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG

Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê, thanh lý và chuyển nhượng công trình nước sạch nông thôn tập trung

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển, cho thuê, thanh lý công trình nước sạch nông thôn trên cơ sở đề nghị của các đơn vị được giao quản lý, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển nhượng công trình nước sạch nông thôn tập trung trên cơ sở đề nghị của các đơn vị được giao quản lý, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính.

Mục 8

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA

Điều 21. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa

1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa thanh lý trong các trường hợp sau:

- a) Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không hiệu quả.
- b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
- c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa không sử dụng được theo công năng của tài sản.
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa

- a) Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý.
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa bị mất, bị huỷ hoại trong trường hợp do thiên tai, hoả hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản

trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh và ý kiến của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

b) Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện và ý kiến của Trưởng phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện.

Mục 9

XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN, BÁN THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG

Điều 23. Xác định giá khởi điểm và thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm bán tài sản công

1. Xác định giá khởi điểm bán tài sản công

a) Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ gắn liền với đất, việc xác định giá khởi điểm bán tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

b) Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, việc xác định giá khởi điểm bán tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm bán tài sản công

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm bán tài sản công đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản phê duyệt giá khởi điểm bán tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở tham mưu của bộ phận tài chính của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Điều 24. Xác định giá khởi điểm và thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm bán thanh lý tài sản công

1. Các trường hợp thanh lý tài sản công khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản công hết hạn sử dụng theo chế độ mà phải thanh lý.
- b) Tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá tài sản).
- c) Nhà làm việc hoặc tài sản gắn liền với đất phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các trường hợp thanh lý xe ô tô khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Đã quá thời gian sử dụng theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định.
- b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đã sử dụng trên 250.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở đóng trên địa bàn còn lại.
- c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% so với nguyên giá).

3. Xác định giá khởi điểm bán thanh lý tài sản công

Việc xác định giá khởi điểm thanh lý tài sản công thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

4. Thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm bán, thanh lý tài sản

- a) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt giá khởi điểm bán thanh lý tài sản công đối với xe ô tô các loại trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản phê duyệt giá khởi điểm bán tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở tham mưu của bộ phận tài chính của cơ quan, đơn vị, tổ chức.

Mục 10

BÁO CÁO KÊ KHAI CÔNG

Điều 25. Báo cáo kê khai tài sản công

- 1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện báo cáo tài sản công:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công báo cáo kê khai tài sản công, bao gồm: Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác.

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản công báo cáo kê khai tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Đối tượng được giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng.

d) Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước báo cáo kê khai tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

đ) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân báo cáo kê khai tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Thời hạn thực hiện báo cáo hằng năm:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng lập báo cáo gửi cơ quan cấp trên (nếu có) trước ngày 31 tháng 01.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan cấp trên (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) trước ngày 28 tháng 02.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh lập báo cáo hoặc ủy quyền Sở Tài chính báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG

Điều 26. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công

1. Sở Tài chính

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm quy định, chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công.

c) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của huyện.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện. Kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm quy định, chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công.

c) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc lĩnh vực liên quan trong việc rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định.

b) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Hướng dẫn việc đăng nhập, chuẩn hoá dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

d) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.

4. Phòng Kinh tế hoặc phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện

a) Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc lĩnh vực liên quan trong việc rà soát, phân loại, lập hồ sơ tài sản theo quy định.

b) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Hướng dẫn việc đăng nhập, chuẩn hoá dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

d) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

5. Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc lĩnh vực liên quan trong việc rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định.

b) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Hướng dẫn việc đăng nhập, chuẩn hoá dữ liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý.

d) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.

6. Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng

a) Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc lĩnh vực liên quan trong việc rà soát, phân loại, lập hồ sơ tài sản theo quy định.

b) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Hướng dẫn việc đăng nhập, chuẩn hoá dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

d) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, gửi Sở Giao thông vận tải để tổng hợp.

7. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý. Kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm quy định, chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công.

c) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công.

2. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công theo đúng tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại đơn vị.

4. Báo cáo kê khai và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài sản công được giao quản lý, sử dụng và khai thác theo đúng quy định hiện hành. Lập thẻ theo dõi tài sản công được giao quản lý, thực hiện hạch toán tài sản công được giao quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định về kế toán, thống kê.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan tài chính nhà nước có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí

liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công bị xử lý theo quy định.

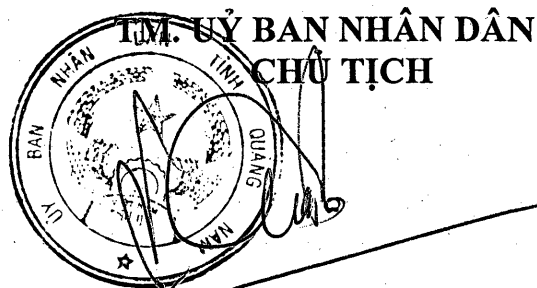
Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và theo Quy định phân cấp này.

2. Trong quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc thì báo cáo bằng văn bản cho Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./le



Đinh Văn Thu

